



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN KIÊN LONG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	7 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 55

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Ngân hàng

Ngân hàng TMCP Kiên Long là tổ chức tín dụng được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 27 tháng 9 năm 2018.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : (029) 7386 9950
- Fax : (029) 7387 7538

Hoạt động chính của Ngân hàng là: thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Lê Khắc Gia Bảo	Chủ tịch	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Mai Hữu Tín	Phó Chủ tịch	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Trần Duy Huyền	Phó Chủ tịch	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Trọng	Thành viên độc lập	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Thanh Hải	Thành viên	Đến ngày 12 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thụy Quỳnh Hương	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Tuấn Anh	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Trung Việt	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Cao Cường	Trưởng ban	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Minh	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Đặng Minh Quân	Thành viên	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Trần Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Từ ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Vũ Đức Cẩn	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 01 tháng 09 năm 2018
Ông Lê Trung Việt	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 01 tháng 09 năm 2018
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 26 tháng 10 năm 2018
Bà Phạm Thị Mỹ Chi	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 01 tháng 7 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Tuấn Anh - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trần Tuấn Anh
Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2019



Số: 1.1147/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Ngân hàng TMCP Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2019, từ trang 07 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có đề cập tới Công văn số 705/NHNN-TTGSNH ngày 04 tháng 02 năm 2016 và Công văn số 942/NHNN-TTGSNH ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc phê duyệt phương án phân loại nợ và trích lập dự phòng đối với các khoản cho vay một nhóm khách hàng với tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ vào ngày 21 tháng 8 năm 2018 với kết luận chấp nhận toàn phần và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2019

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2019

A - TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: triệu VND	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	697.867	519.751
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.2	2.128.951	1.852.903
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	V.3	8.810.100	5.399.327
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	V.3	8.670.000	5.399.327
2. Cho vay các TCTD khác	V.3	140.100	-
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
2. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V.4	7.682	987
VI. Cho vay khách hàng		30.761.015	29.216.772
1. Cho vay khách hàng	V.5	31.037.412	29.471.994
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.6	(276.397)	(255.222)
VII. Hoạt động mua nợ		-	-
1. Mua nợ		-	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.7	1.373.113	1.460.500
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	V.7	1.467.589	1.553.963
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	V.7	(94.476)	(93.463)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn		14.521	14.521
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	V.8	14.521	14.521
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
X. Tài sản cố định		1.536.038	1.487.690
1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	792.208	781.619
a. Nguyên giá tài sản cố định		1.037.257	999.961
b. Hao mòn tài sản cố định		(245.049)	(218.342)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
XV. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	743.830	706.071
a. Nguyên giá tài sản cố định		802.992	759.323
b. Hao mòn tài sản cố định		(59.162)	(53.252)
XI. Bất động sản đầu tư	V.11	95.332	96.353
a. Nguyên giá bất động sản đầu tư		98.921	98.921
b. Hao mòn bất động sản đầu tư		(3.589)	(2.568)
XII. Tài sản có khác		2.245.798	2.260.999
1. Các khoản phải thu	V.12	245.441	317.959
2. Các khoản lãi, phí phải thu	V.13	1.547.055	1.561.344
3. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
4. Tài sản có khác	V.14	457.427	385.821
Trong đó: lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản		(4.125)	(4.125)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		47.670.417	42.309.803

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

B - NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		-	255.545
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.15	11.569.381	7.992.502
1. Tiền gửi của các TCTD khác	V.15	10.824.400	7.829.594
2. Vay các TCTD khác	V.15	744.981	162.908
III. Tiền gửi của khách hàng	V.16	30.758.825	29.206.157
IV. Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	-
V. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro		-	-
VI. Phát hành giấy tờ có giá		600.000	300.000
VII. Các khoản nợ khác		898.233	805.452
1. Các khoản lãi, phí phải trả	V.17	632.781	548.930
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác	V.18	265.452	256.522
4. Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)		-	-
Tổng nợ phải trả		43.826.439	38.559.656
VIII. Vốn và các quỹ	V.19	3.843.978	3.750.147
1. Vốn của TCTD		3.202.758	3.202.758
a. Vốn điều lệ	V.19	3.236.958	3.236.958
b. Vốn đầu tư XD CB		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ	V.19	(34.200)	(34.200)
e. Cổ phiếu quỹ		-	-
f. Vốn khác		-	-
2. Quỹ của TCTD	V.19, 20	252.963	226.639
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.19	388.257	320.750
6. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		47.670.417	42.309.803

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Bảo lãnh vay vốn		-	-
2. Cam kết giao dịch hối đoái		-	-
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>		-	-
<i>Cam kết bán ngoại tệ</i>		-	-
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>		-	-
<i>Cam kết giao dịch tương lai</i>		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.4	4.496	44.351
5. Bảo lãnh khác	VIII.4	158.247	111.085
6. Các cam kết khác		-	-

Rạch Giá, ngày 10 tháng 8 năm 2019

Người lập

Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát

Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: triệu VND

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	1.820.233	1.497.232
2.	Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	1.234.913	1.035.883
	I. Thu nhập lãi thuần		585.320	461.349
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	VI.3	38.363	31.055
4.	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	VI.3	7.982	5.572
	II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	30.381	25.483
	III. Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	VI.4	16.393	3.165
	IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
	V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.5	6.822	76.720
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	VI.6	17.598	8.735
6.	Chi phí từ hoạt động khác	VI.6	3.156	2.846
	VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.6	14.442	5.889
	VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.7	835	-
	VIII. Chi phí hoạt động	VI.8	481.231	405.514
	IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		172.962	167.092
	X. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	V.6, 7	24.479	19.560
	XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		148.483	147.532
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	29.686	29.717
8.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
	XII. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		29.686	29.717
	XIII. Lợi nhuận sau thuế		118.797	117.815
	XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
	XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	VI.9a	371	398

Rạch Giá, ngày 10 tháng 8 năm 2019

Người lập


Thị Duyên
Kế toán viên

Người kiểm soát


Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		1.834.522	1.526.781
02.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.151.062)	(1.038.927)
03.	Thu nhập hoạt động dịch vụ nhận được		30.381	23.685
04.	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		23.215	94.070
05.	Thu nhập khác		9.355	2.491
06.	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	VI.6	5.087	2.720
07.	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(426.402)	(353.139)
08.	Tiền thuế thực nộp trong kỳ	VIII.2	(34.288)	(30.766)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động			290.808	226.915
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09.	(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay các TCTD khác		-	-
10.	(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		86.374	1.295.744
11.	(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(6.695)	(152)
12.	(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(1.565.418)	(2.655.890)
13.	(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(2.291)	(17.643)
14.	(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(28.487)	(94.308)
Những thay đổi về công nợ hoạt động				
15.	Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		(255.545)	-
16.	Tăng/(Giảm) tiền gửi, tiền vay các TCTD		3.576.879	(82.655)
17.	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		1.552.668	1.812.780
18.	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá được tính vào hoạt động tài chính)		300.000	-
19.	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư, cho vay mà TCTD phải chịu rủi		-	-
20.	Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính		-	-
21.	Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(17.413)	90.266
22.	Chi từ các quỹ của TCTD	V.18	(15.980)	(29.293)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			3.914.900	545.764

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
XV.	Mua sắm tài sản cố định		(50.798)	(83.113)
02.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	2.247
03.	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	-
04.	Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05.	Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06.	Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chỉ đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
08.	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		-	-
09.	Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	VI.7	835	-
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư			(49.963)	(80.866)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
01.	Tăng vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02.	Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
03.	Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
04.	Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05.	Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06.	Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ			3.864.937	464.898
V. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm			VII 7.771.981	6.848.632
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá			-	1.216
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ			VII 11.636.918	7.314.746

Rạch Giá, ngày 10 tháng 8 năm 2019

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt

Duy

Phạm Thị Mỹ Chi



Thị Duyên
Kế toán viên

Phạm Thị Mỹ Chi
Kế toán trưởng

Trần Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Ngân hàng TMCP Kiên Long, tên gọi trước đây là Ngân hàng TMCP Nông thôn Kiên Long (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng số 0056/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 9 năm 1995.
- Giấy phép thành lập ngân hàng số 1115/GP-UB ngày 02 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Năm 2006, Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Kiên Long và được chuyển đổi mô hình hoạt động từ ngân hàng nông thôn sang ngân hàng đô thị.

Ngân hàng đăng ký hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700197787 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Trong quá trình hoạt động Ngân hàng đã nhiều lần được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 27 tháng 9 năm 2018.

Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Hoạt động chính của Ngân hàng là: thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; cấp tín dụng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

2. Hình thức sở hữu vốn

Ngân hàng TMCP Kiên Long là ngân hàng thương mại cổ phần.

3. Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2019 là 3.236.958 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 3.236.958 triệu VND).

4. Mạng lưới hoạt động

Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Ngân hàng có một (01) hội sở chính, ba mươi mốt (31) chi nhánh và một trăm lẻ ba (103) phòng giao dịch trên toàn quốc.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Ngân hàng và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Ngân hàng.

Ngân hàng đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long có trụ sở tại Tầng 6, Số 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Công ty con này được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452905, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 11 năm 2010 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 21 tháng 02 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: tư vấn, môi giới kinh doanh, cho thuê bất động sản, quyền sử dụng đất; quản lý các khoản nợ vay và tài sản bảo đảm nợ vay; thẩm định giá và quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm; tái cơ cấu các khoản vay; mua khoản nợ từ và bán khoản nợ cho các tổ chức tín dụng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Ngân hàng tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 3.063 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.964 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu Đồng Việt Nam (triệu VND) khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017. Việc lập Báo cáo tài chính được áp dụng theo Chế độ Báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán có liên quan.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp trực tiếp.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Ngân hàng và công ty con trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông thiểu số, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con.

2. Chuyển đổi ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Tập đoàn được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó (“tỷ giá giao ngay”) tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán, trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Tập đoàn dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Tập đoàn được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào cuối kỳ kế toán năm.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi tại các TCTD khác, cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

4. Cho vay khách hàng và phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Tiền vay được ghi nhận khi Tập đoàn và khách hàng ký kết hợp đồng vay, khế ước nhận nợ và Tập đoàn giải ngân cho khách hàng.

Phương thức cho vay đối với tổ chức và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư, chiết khấu chứng từ có giá....

Hình thức đảm bảo tiền vay chủ yếu là cầm cố, thế chấp tài sản. Ngoài ra, Tập đoàn còn cho vay tín chấp.

Nguyên tắc phân loại nợ vay và đánh giá rủi ro tín dụng căn cứ theo Điều 10 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 (Thông tư số 02/2013/TT-NHNN) và Điều 01 Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 (Thông tư số 09/2014/TT-NHNN) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cơ sở trích lập dự phòng rủi ro tín dụng căn cứ vào các khoản nợ vay đã được phân loại. Việc tính toán dự phòng căn cứ vào quy định tại Điều 12 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN. Tỷ lệ trích lập cụ thể như sau:

• Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	:	0%
• Nhóm 2 (nợ cần chú ý)	:	5%
• Nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	:	20%
• Nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	:	50%
• Nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	:	100%

Mức dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Việc xóa sổ các khoản nợ vay không có khả năng thu hồi căn cứ vào các quy định của 2 thông tư nêu trên.

Các cam kết ngoại bảng

Các cam kết ngoại bảng bao gồm: các khoản bảo lãnh, cam kết giao dịch hối đoái và cam kết trong nghiệp vụ L/C.

Khi Tập đoàn đánh giá khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết thì phân loại các cam kết vào nhóm 2.

Trường hợp Tập đoàn thực hiện các nghĩa vụ thay cho người được bảo lãnh, thì Tập đoàn phân loại vào nhóm 3 đến nhóm 5 và trích lập dự phòng cụ thể theo quy định.

5. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Tập đoàn phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Tập đoàn được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Ghi nhận chứng khoán đầu tư

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán đầu tư tại ngày khớp lệnh đối với chứng khoán niêm yết hoặc tại ngày Tập đoàn chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá thị trường của chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được đăng ký giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND.

Các chứng khoán sẵn sàng để bán không được phép mua bán tự do trên thị trường hoặc không thể xác định được giá thị trường thì không được lập dự phòng mà được phản ánh theo giá gốc.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn không thực hiện trích lập dự phòng đối với chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn trừ khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Tập đoàn khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn của doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Tập đoàn mua sẽ được ghi giảm giá gốc khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Châm dứt ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận tại ngày khớp lệnh bán đối với chứng khoán niêm yết hoặc Tập đoàn đã chính thức chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng.

Ngân hàng hạch toán kế toán nghiệp vụ mua bán nợ bằng trái phiếu đặc biệt theo các hướng dẫn trong Công văn số 8499/NHNN-TCKT ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Công văn số 925/NHNN-TCKT ngày 19 tháng 2 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phản ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro.

Đối với mỗi khoản nợ xấu được bán cho VAMC, Ngân hàng nhận được tương ứng một trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Mệnh giá trái phiếu đặc biệt tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó.

Khi hoàn thành thủ tục mua bán nợ xấu, Tập đoàn ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng và tất toán tài khoản ngoại bảng theo dõi lãi chưa thu được của khoản nợ xấu đó. Đồng thời, Tập đoàn ghi nhận trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành vào tài khoản chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành được giữ đến ngày đáo hạn.

Đối với các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, dự phòng cụ thể được tính và trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC và Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN. Theo đó, dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm trong kỳ hạn của trái phiếu đặc biệt là khoản chênh lệch dương giữa 20% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt có kỳ hạn 5 năm và 10% mệnh giá của trái phiếu đặc biệt có kỳ hạn 10 năm trừ số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu có liên quan trong năm. Hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày trái phiếu đặc biệt đến hạn, Ngân hàng trích lập một lần số dự phòng cụ thể nói trên cho mỗi trái phiếu và không phải thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các trái phiếu đặc biệt này. Dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Góp vốn, đầu tư dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và Tập đoàn không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau đó, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị được đầu tư trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại đơn vị đó. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận chuyển	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	05 – 10

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất (36 - 49 năm), riêng quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 – 10 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là nhà cửa được khấu hao trong 49 năm.

10. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Các tài sản có khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và nâng cấp phần mềm máy vi tính chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm

Tài sản thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu chờ xử lý là những tài sản gắn nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng.

Các tài sản Có khác

Các tài sản có khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các tài sản có khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các tài sản có quá hạn thanh toán, Tập đoàn áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả gồm tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và các khoản nợ khác được thể hiện theo giá gốc.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

14. Công cụ tài chính phái sinh

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch và sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Lãi hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh được thực hiện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện không được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch đánh giá lại các công cụ tài chính phái sinh trên Bảng cân đối kế toán và được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào thời điểm cuối năm.

15. Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn điều lệ

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Ngân hàng phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các quỹ dự trữ

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 07 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các TCTD, Tập đoàn phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	<u>Trích lập hàng năm</u>	<u>Số dư tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được trích từ lợi nhuận sau thuế. Việc trích từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi pháp luật và được phép phân phối hết.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi không do pháp luật quy định được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và được phép phân phối hết, chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Tập đoàn. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận trong phần nợ phải trả của Tập đoàn.

16. Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Tại từng thời điểm, Tập đoàn có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

17. Thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi Tập đoàn thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Tập đoàn thực sự thu được.

Đối với thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu... là số lãi phải thu trong kỳ.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và các dịch vụ khác. Thu nhập phí từ các khoản bảo lãnh được ghi nhận theo phương pháp dồn tích. Thu nhập nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận khi thu được.

19. Thu nhập cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Nợ phải trả tài chính khác

Các khoản nợ phải trả tài chính khác gồm: tiền gửi và vay từ Tập đoàn Nhà nước và các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

25. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp và các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con. Các bên liên kết và các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, cần chú ý đến bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của mối quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	621.909	438.469
Tiền mặt bằng ngoại tệ	75.958	81.282
Cộng	697.867	519.751

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND	2.113.021	1.839.380
Tiền gửi bằng ngoại tệ	15.930	13.523
Cộng	2.128.951	1.852.903

Phản ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với tỷ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng: 3% đối với VND, 8% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên: 1% đối với VND, 6% đối với ngoại tệ.
- Tiền gửi ở nước ngoài: 1% đối với ngoại tệ.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác ở trong nước</i>	<i>8.670.000</i>	<i>5.399.327</i>
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	2.925.100	1.103.001
<i>Bằng VND</i>	<i>2.738.357</i>	<i>859.375</i>
<i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>186.743</i>	<i>243.626</i>
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	5.744.900	4.296.326
<i>Bằng VND</i>	<i>1.775.400</i>	<i>2.786.700</i>
<i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>3.969.500</i>	<i>1.509.626</i>
<i>Cho vay các TCTD khác bằng ngoại tệ</i>	<i>140.100</i>	<i>-</i>
Cộng	8.810.100	5.399.327

4. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(nợ phải trả) tài chính khác

	Tổng giá trị hợp đồng (theo tỷ giá hối đoái tại ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ (theo tỷ giá hối đoái tại ngày cuối kỳ)
Số cuối kỳ		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ		
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	2.389.382	7.682
Cộng	2.389.382	7.682
Số đầu năm		
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ		
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	93.887	987
Cộng	93.887	987

5. Cho vay khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	30.976.251	29.379.435
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	55.261	85.959
Các khoản trả thay khách hàng	5.900	6.600
Cộng	31.037.412	29.471.994

Phân tích chất lượng nợ vay

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn ⁽¹⁾	30.532.068	28.904.562
Nợ cần chú ý	148.899	289.714
Nợ dưới tiêu chuẩn	59.381	63.407
Nợ nghi ngờ	125.361	44.399
Nợ có khả năng mất vốn	171.703	169.912
Cộng	31.037.412	29.471.994

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Trong số dư Nợ đủ tiêu chuẩn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có 1.898.260 triệu VND (số đầu năm là 1.898.260 triệu VND) dư nợ các khoản cho vay đối với một nhóm khách hàng với tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác. Các khoản cho vay này đã được gia hạn thời hạn trả nợ gốc và lãi ít nhất một lần. Căn cứ theo Công văn số 705/NHNN-TTGSNH ngày 04 tháng 02 năm 2016 và Công văn số 942/NHNN-TTGSNH ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chấp thuận cho Ngân hàng giữ nguyên phân loại nợ là Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn đến khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt Đề án cơ cấu lại ngân hàng này và xử lý các khoản nợ liên quan. Ngoài ra, trong số dư Nợ đủ tiêu chuẩn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 còn bao gồm 239.124 triệu VND (số đầu năm là 239.124 triệu VND) dư nợ cho vay các khách hàng với mục đích phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như trước khi cơ cấu một lần theo quy định của Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Thông tư số 10/2015/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP.

Phân tích dư nợ theo thời gian

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ ngắn hạn	17.477.953	16.566.294
Nợ trung hạn	5.167.515	5.139.220
Nợ dài hạn	8.391.944	7.766.480
Cộng	31.037.412	29.471.994

Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hộ kinh doanh và cá nhân	22.600.030	21.094.562
Công ty trách nhiệm hữu hạn	3.880.355	3.879.917
Công ty cổ phần	4.535.396	4.446.231
Doanh nghiệp tư nhân	21.631	51.284
Cộng	31.037.412	29.471.994

Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	7.737.007	7.469.464
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	6.715.601	6.220.714
Hoạt động dịch vụ khác	5.776.650	5.042.922
Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.859.139	3.731.623
Hoạt động đầu tư	2.161.598	2.174.138
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ	2.320.731	2.172.107
Xây dựng	1.255.629	1.321.688
Vận tải kho bãi	492.346	496.371
Công nghiệp chế biến, chế tạo	357.502	320.565
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	311.599	318.310
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	219	135.111
Thông tin và truyền thông	31.991	49.796
Giáo dục và đào tạo	11.767	12.782
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	2.445	2.245

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	1.200	1.600
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.074	1.434
Khai khoáng	800	1.010
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	114	114
Cộng	31.037.412	29.471.994

6. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng*Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của dự phòng rủi ro tín dụng*

	<u>Dự phòng chung</u>	<u>Dự phòng cụ thể</u>
Năm nay		
Số đầu năm	(206.043)	(49.179)
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	(16.598)	(5.001)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	424
Số cuối kỳ	(222.641)	(53.756)

Năm trước

Số đầu năm trước	(180.176)	(39.710)
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ trước	(18.399)	(501)
Số cuối kỳ trước	(198.575)	(40.211)

Chi tiết số dư dự phòng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:		
Dự phòng chung	(222.641)	(206.043)
Dự phòng cụ thể	(53.756)	(49.179)
Cộng	(276.397)	(255.222)

7. Chứng khoán đầu tư

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	1.325.934	1.401.464
<i>Chứng khoán nợ</i>		
Trái phiếu Chính phủ ⁽ⁱ⁾	1.325.934	1.401.464
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	47.179	59.036
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt ⁽ⁱⁱ⁾	141.655	152.499
Dự phòng trái phiếu đặc biệt ⁽ⁱⁱⁱ⁾	(94.476)	(93.463)
Cộng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	1.373.113	1.460.500

(i) Trong Trái phiếu Chính phủ có các loại trái phiếu sau đang cầm cố (xem thuyết minh số IX.5):

- Các trái phiếu có tổng mệnh giá 850 tỷ VND (số đầu năm là 950 tỷ VND) được Tập đoàn cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước và các TCTD để tham gia nghiệp vụ thị trường mở, đảm bảo cho các khoản tiền gửi của các TCTD khác.
- Các trái phiếu có tổng mệnh giá đầu năm là 249.816 triệu VND (số cuối kỳ không còn) được tái chiết khấu để đi vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (ii) Đây là trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành nhằm mua lại các khoản nợ xấu của Ngân hàng. Trong kỳ này, Ngân hàng đã bán nợ cho VAMC với tổng giá trị nợ gốc là 160.310 triệu VND và dự phòng rủi ro cụ thể đã được Ngân hàng trích lập tại thời điểm bán các khoản nợ này là 18.655 triệu VND. Đối với các trái phiếu đặc biệt này, Ngân hàng đã trích lập dự phòng theo chính sách được mô tả tại thuyết minh số IV.5.

- (iii) Biến động dự phòng trái phiếu đặc biệt như sau:

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Số dư đầu năm	(93.463)	(141.524)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(2.880)	(660)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	1.867	17.643
Số dư cuối kỳ	(94.476)	(124.541)

8. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát ⁽ⁱ⁾	5.250	5.250
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá ⁽ⁱⁱ⁾	9.271	9.271
Cộng	14.521	14.521

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800475847 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 8 năm 2002 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 06 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 Ngân hàng TMCP Kiên Long đã góp 2,2% vốn điều lệ.

- (ii) Công ty Cổ phần Sài Gòn - Rạch Giá hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700547079 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 6 năm 2007 và điều chỉnh gần nhất vào ngày 16 tháng 02 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 Ngân hàng TMCP Kiên Long đã góp 6,96% vốn điều lệ.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	678.793	75.654	111.038	113.994	20.482	999.961
Mua trong kỳ	104	574	-	-	-	678
Đầu tư XDCB hoàn thành	33.404	1.157	-	1.735	575	36.871
Thanh lý, nhượng bán	-	(107)	(53)	(93)	-	(253)
Phân loại lại	1.219	(5.277)	6.519	(5.668)	3.207	-
Số cuối kỳ	713.520	72.001	117.504	109.968	24.264	1.037.257
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.417	8.691	20.050	21.740	3.591	57.489

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	76.205	24.013	51.946	57.764	8.414	218.342
Khấu hao trong kỳ	12.766	2.773	4.818	5.550	1.053	26.960
Thanh lý, nhượng bán	-	(107)	(53)	(93)	-	(253)
Phân loại lại	1.743	(3.564)	5.328	(5.441)	1.934	-
Số cuối kỳ	90.714	23.115	62.039	57.780	11.401	245.049
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	602.588	51.641	59.092	56.230	12.068	781.619
Số cuối kỳ	622.806	48.886	55.465	52.188	12.863	792.208
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	683.232	68.257	7.834	759.323
Tăng trong kỳ	23.666	-	-	23.666
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	20.003	-	20.003
Phân loại lại	669	-	(669)	-
Số cuối kỳ	707.567	88.260	7.165	802.992
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.675	1.649	10.324
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.680	45.323	5.249	53.252
Khấu hao trong kỳ	916	4.489	505	5.910
Phân loại lại	669	(99)	(570)	-
Số cuối kỳ	4.265	49.713	5.184	59.162
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	680.552	22.934	2.585	706.071
Số cuối kỳ	703.302	38.547	1.981	743.830
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà kho
Nguyên giá	
Số đầu năm	98.921
Số cuối kỳ	98.921
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	2.568
Khấu hao trong kỳ	1.021
Số cuối kỳ	3.589
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	96.353
Số cuối kỳ	95.332

12. Các khoản phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ⁽ⁱ⁾	66.020	113.545
Khoản phải thu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	3.822	3.822
Ký quỹ thuê văn phòng và tạm ứng hợp đồng	11.802	12.252
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	12.875	6.343
Khoản phải thu từ nghiệp vụ thẻ tín dụng và Banknetvn	73.494	109.597
Ký quỹ tại các tổ chức thanh toán quốc tế	8.640	2.323
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	6.642	4.053
Phải thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	25.051	20.356
Phải thu từ việc bán bất động sản đầu tư	8.750	24.797
Phải thu khác	28.345	20.871
Cộng	245.441	317.959

(i) Chi tiết các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cửa	61.793	94.818
Phần mềm máy vi tính	946	18.727
Máy móc thiết bị	815	-
Phương tiện vận tải	2.466	-
Cộng	66.020	113.545

13. Các khoản lãi, phí phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi	13.551	20.534
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	39.636	41.355
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	1.493.412	1.499.455
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	456	-
Cộng	1.547.055	1.561.344

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Tài sản có khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ	315.431	262.810
Công cụ và dụng cụ	5.664	6.152
Chi hộ các tổ chức tín dụng khác	1.871	1.101
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng đang chờ xử lý	26.206	22.598
Tài sản có khác	108.255	93.160
Cộng	457.427	385.821

15. Tiền, vàng gửi và vay các TCTD khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi của các TCTD khác	10.824.400	7.829.594
Tiền gửi không kỳ hạn	2.711.385	855.108
<i>Bằng VND</i>	2.711.385	855.108
Tiền gửi có kỳ hạn	8.113.015	6.974.486
<i>Bằng VND ⁽ⁱ⁾</i>	6.186.583	5.599.566
<i>Bằng ngoại tệ</i>	1.926.432	1.374.920
Vay các TCTD khác	744.981	162.908
Vay các tổ chức tín dụng khác bằng VND	556.456	161.898
Vay các tổ chức tín dụng khác bằng ngoại tệ	1.016	1.010
Vay chiết khấu, tái chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác	187.509	-
Cộng	11.569.381	7.992.502

⁽ⁱ⁾ Bao gồm trong các số dư này là 782.440 triệu VND tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có mệnh giá 850.000 triệu VND (xem thuyết minh số V.7) (số đầu năm là 797.440 triệu VND tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có mệnh giá 950.000 triệu VND).

16. Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	1.354.114	918.220
<i>Bằng VND</i>	1.340.415	904.872
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	13.699	13.348
Tiền gửi có kỳ hạn	1.849.201	1.654.174
<i>Bằng VND</i>	1.849.201	1.654.174
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn	17.934	20.525
<i>Bằng VND</i>	10.957	14.531
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	6.977	5.994
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	27.528.781	26.604.092
<i>Bằng VND</i>	27.342.457	26.439.040
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	186.324	165.052
Tiền ký quỹ	8.795	9.146
<i>Bằng VND</i>	8.793	8.660
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	2	486
Cộng	30.758.825	29.206.157

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	2.507.080	2.125.398
Công ty cổ phần	1.268.996	1.259.393
Công ty trách nhiệm hữu hạn	542.457	276.215
Doanh nghiệp tư nhân	581	16.510
Các đơn vị khác	695.046	573.280
Tiền gửi của cá nhân	28.251.745	27.080.759
Cộng	30.758.825	29.206.157

17. Các khoản lãi, phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi phải trả cho tiền gửi	611.203	547.697
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	12.362	678
Lãi phải trả cho tiền vay	8.176	361
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	1.040	194
Cộng	632.781	548.930

18. Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước (xem thuyết minh số VIII.2)	20.821	25.773
Phải trả cho cán bộ, công nhân viên	21.963	4
Các khoản chờ thanh toán khác	154.957	204.623
Quỹ khen thưởng và phúc lợi ⁽ⁱ⁾	11.099	2.113
Chuyển tiền phải trả	3.705	3.397
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	14.992	-
Phải trả khác	37.915	20.612
Cộng	265.452	256.522

⁽ⁱ⁾ Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng và phúc lợi như sau:

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Số đầu năm	2.113	1.416
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	24.966	31.839
Chi quỹ	(15.980)	(29.293)
Số cuối kỳ	11.099	3.962

19. Vốn và quỹ của Tập đoàn

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ của TCTD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	3.000.000	(34.200)	285.244	-	300.553	3.551.597
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	117.815	117.815
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	27.924	-	(27.924)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(31.839)	(31.839)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	1.216	-	1.216
Số cuối kỳ trước	3.000.000	(34.200)	313.168	1.216	358.605	3.638.789

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ của TCTD	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	3.236.958	(34.200)	226.639	-	320.750	3.750.147
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	118.797	118.797
Trích các quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	26.324	-	(26.324)	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(24.966)	(24.966)
Số dư cuối kỳ này	3.236.958	(34.200)	252.963	-	388.257	3.843.978

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	323.695.796	323.695.796
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	323.695.796	323.695.796
- Cổ phiếu phổ thông	323.695.796	323.695.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu phổ thông	(3.800.000)	(3.800.000)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	319.895.796	319.895.796
- Cổ phiếu phổ thông	319.895.796	319.895.796
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các quỹ dự trữ của Tập đoàn

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Cộng
Số đầu năm trước	92.011	193.230	3	285.244
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	9.308	18.616	-	27.924
Số dư cuối kỳ trước	101.319	211.846	3	313.168
Số dư đầu năm nay	13.237	213.399	3	226.639
Trích lập các quỹ trong kỳ này	8.775	17.549	-	26.324
Số dư cuối kỳ này	22.012	230.948	3	252.963

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	86.107	57.797
Thu lãi cho vay	1.705.031	1.407.692
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	25.104	28.216
Thu lãi từ bảo lãnh	1.142	1.098
Thu khác từ hoạt động tín dụng	2.849	2.429
Cộng	1.820.233	1.497.232

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	1.122.840	964.353
Trả lãi tiền vay	12.878	5.233
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	11.684	-
Chi phí khác từ hoạt động tín dụng	87.511	66.297
Cộng	1.234.913	1.035.883

3. Lãi/lỗ từ hoạt động dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	38.363	31.055
Thu từ dịch vụ thanh toán	13.204	10.212
Thu từ dịch vụ cho thuê kho và văn phòng	8.907	10.799
Thu từ dịch vụ thẩm định tài sản	10.699	9.458
Thu từ dịch vụ ngân quỹ, ủy thác và đại lý	568	530
Thu từ kinh doanh và dịch vụ bảo hiểm	4.925	-
Thu khác về dịch vụ	60	56
Chi phí hoạt động dịch vụ	7.982	5.572
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	4.516	3.727
Chi về ngân quỹ	3.466	1.845
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	30.381	25.483

4. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu về hoạt động kinh doanh ngoại hối	30.539	9.176
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	28.718	9.176
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.821	-
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	14.146	6.011
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	3.622	4.589
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	10.524	1.422
Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	16.393	3.165

5. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	6.822	90.905
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	(14.185)
Cộng	6.822	76.720

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động khác	17.598	8.735
Thu từ bán tài sản gán nợ	6.916	678
Thu hồi các khoản nợ đã xóa	5.087	2.720
Thu từ các khoản nợ đã bán cho VAMC	1.126	2.016
Thu từ hoạt động kinh doanh khác	4.469	3.321
Chi phí hoạt động khác	3.156	2.846
Chi phí cho hoạt động công tác xã hội	1.167	1.231
Chi phí khác	1.989	1.615
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	14.442	5.889

7. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần
Cổ tức nhận được từ đầu tư dài hạn khác.**8. Chi phí hoạt động**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	9.957	10.432
Chi phí cho nhân viên	267.124	223.383
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	233.048	195.177
Các khoản chi đóng góp theo lương	20.693	16.280
Chi phí khác cho nhân viên	13.383	11.926
Chi về tài sản	107.769	88.308
Trong đó:		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.891	32.765
Chi phí thuê tài sản	30.825	26.890
Chi sửa chữa, bảo trì	32.115	19.007
Chi mua sắm công cụ lao động	10.636	9.448
Chi phí khác	302	198
Chi phí hoạt động quản lý và công vụ	76.677	64.955
Trong đó:		
Chi phí quảng cáo tiếp thị, khuyến mại và vật liệu văn phòng	18.487	14.232
Công tác phí	1.483	1.836
Chi phí điện nước, vệ sinh cơ quan, xăng dầu	16.708	14.469
Chi phí thông tin liên lạc, nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	13.695	10.729
Chi phí đào tạo	976	554
Chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết	24.069	19.461
Chi phí khác	1.259	3.674
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	19.704	18.436
Cộng	481.231	405.514

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	118.797	117.815
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	118.797	117.815
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	319.895.796	296.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	371	398

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	697.867	519.751
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.128.951	1.852.903
Tiền gửi thanh toán, tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn trong vòng 3 tháng	8.810.100	5.399.327
Cộng	11.636.918	7.771.981

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Tình hình thu nhập của nhân viên

	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
Số lượng nhân viên bình quân (người)	3.014	2.671
Thu nhập của nhân viên		
Tổng quỹ lương	233.048	195.177
Tiền thưởng	15.980	29.293
Tổng thu nhập	249.028	224.470
Tiền lương bình quân/tháng	13	12
Thu nhập bình quân/tháng	14	14

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	691	3.193	(2.594)	1.290
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.565	29.686	(34.287)	17.964
Thuế thu nhập cá nhân	2.517	6.536	(7.486)	1.567
Cộng	25.773	39.415	(44.367)	20.821

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng, bảo lãnh và thanh toán là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm nay
Ngân hàng TMCP Kiên Long	28.288	28.876
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Kiên Long	1.398	841
Cộng	29.686	29.717

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các khoản thuế, lệ phí khác

Tập đoàn nộp theo các quy định hiện hành.

3. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bất động sản	48.276.365	43.678.668
Máy móc và thiết bị	173.132	196.147
Phương tiện vận tải	1.285.090	1.126.696
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức tín dụng khác	2.036.835	2.497.123
Cổ phiếu phát hành bởi tổ chức kinh tế	2.146.773	2.965.833
Sổ tiết kiệm	4.474.404	3.103.887
Hàng tồn kho	14.131	46.901
Tài sản khác	752.736	463.725
Cộng	59.159.466	54.078.980

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cam kết trong nghiệp vụ L/C</i>	4.496	44.351
Giá trị theo hợp đồng	8.180	51.949
Trừ: Tiền ký quỹ	(3.684)	(7.598)
<i>Bảo lãnh khác</i>	158.247	111.085
Giá trị theo hợp đồng	163.357	112.633
Trừ: Tiền ký quỹ	(5.110)	(1.548)

5. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thuần của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng) trong kỳ này là 7.380 triệu VND (cùng kỳ năm trước là 9.564 triệu VND).

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Nhận tiền gửi	21.668	102.737
Chi phí lãi tiền gửi	10	20
Thù lao	2.622	3.305
<i>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Nhận tiền gửi	19.786	9.241
Chi phí lãi tiền gửi	25	63
Tiền lương và thưởng	3.420	5.183
<i>Thành viên Ban Kiểm soát</i>		
Nhận tiền gửi	6.415	2.421
Chi phí lãi tiền gửi	4	1
Thù lao	756	1.076
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị</i>		
Nhận tiền gửi	78.601	1.174.330
Chi phí lãi tiền gửi	119	876
Thu nhập cho thuê kho	3.129	2.846
Thu nhập khác	-	382
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc</i>		
Nhận tiền gửi	13.743	72.026
Chi phí lãi tiền gửi	542	683
<i>Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Kiểm soát</i>		
Nhận tiền gửi	984	634
Chi phí lãi tiền gửi	57	34

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tiền gửi	951	483
Lãi phải trả	-	1
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	2.130	324
Lãi phải trả	33	4
Thành viên Ban Kiểm soát		
Tiền gửi	49	150
Lãi phải trả	39	2
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	2.533	462
Lãi phải trả	7	47
Phải thu tiền cho thuê văn phòng	9.242	7.119
Phải trả tiền cọc cho thuê văn phòng	480	480
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền gửi	13.780	268
Lãi phải trả	235	393
Các công ty và cá nhân có liên quan đến thành viên Ban Kiểm soát		
Tiền gửi	1.088	5
Lãi phải trả	7	30
Cộng nợ phải trả	20.852	9.768

6. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	<u>Tổng dư nợ</u>	<u>Tổng tiền</u>	<u>Phát hành</u>	<u>Các cam</u>	<u>Chứng</u>	<u>Công cụ tài</u>
	<u>tiền gửi cho vay</u>	<u>gửi và tiền</u>	<u>giấy tờ có</u>	<u>kết</u>	<u>khoán đầu</u>	<u>chính phái</u>
		<u>vay</u>	<u>giá</u>	<u>tín dụng</u>	<u>tư</u>	<u>sinh</u>
Số cuối kỳ	41.976.463	42.328.206	600.000	171.537	1.467.589	2.389.382
Trong nước	41.976.463	42.328.206	600.000	171.537	1.467.589	2.389.382
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
Số đầu năm	36.724.224	37.454.204	300.000	164.582	1.553.963	93.887
Trong nước	36.724.224	37.454.204	300.000	164.582	1.553.963	93.887
Nước ngoài	-	-	-	-	-	-

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

IX. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

1. Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm tổng thể về việc hướng dẫn, giám sát nhận định về rủi ro và đảm bảo duy trì một nền văn hóa quản lý rủi ro và tuân thủ hiệu quả. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm trong việc xây dựng các mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Tập đoàn, bao gồm việc thiết lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, các hạn mức rủi ro và các quy định về phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro được thực hiện bởi tất cả các bộ phận theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Bộ phận quản lý rủi ro của Tập đoàn hỗ trợ thực hiện công tác hoạt động rủi ro hàng ngày tại Tập đoàn dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Cùng với các phòng ban khác, Bộ phận quản lý rủi ro chịu trách nhiệm phát triển hệ thống quản lý rủi ro và các công cụ và phương pháp luận để xác định, đo lường, theo dõi, kiểm soát và đánh giá rủi ro.

Ngoài ra, Bộ phận kiểm toán nội bộ của Ngân hàng chịu trách nhiệm soát xét độc lập việc quản lý rủi ro và môi trường kiểm soát của Tập đoàn.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi bên đối tác của Tập đoàn không thực hiện trách nhiệm của mình gây ra tổn thất cho Tập đoàn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ hoạt động cho vay hình thành nợ và các khoản tạm ứng.

Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Để quản lý rủi ro tín dụng Tập đoàn sử dụng các công cụ như: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; xếp hạng tín dụng; quy định về hạn mức tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc xây dựng hạn mức cho vay đối với mỗi khách hàng hay một nhóm khách hàng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, việc quản lý rủi ro tín dụng còn được thực hiện thông qua phân tích khả năng khách hàng hay khách hàng tiềm năng có thể thanh toán gốc và lãi.

Mức độ tập trung rủi ro của tài sản tài chính có rủi ro tín dụng

Các tài sản tài chính phi phái sinh phân loại theo khu vực địa lý được trình bày tại thuyết minh số X.

Tổng mức tối đa có rủi ro tín dụng chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính trên Bảng cân đối kế toán cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.128.951	1.852.903
Tiền gửi và cho vay tại các TCTD khác	8.810.100	5.399.327
Cho vay khách hàng – gộp	31.037.412	29.471.994
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – gộp	1.467.589	1.553.963
Các khoản lãi, phí phải thu	1.547.055	1.561.344
Các tài sản tài chính khác – gộp	148.102	205.587
Cộng	45.139.209	40.045.118
Mức độ rủi ro tín dụng của các tài khoản ngoại bảng		
Cam kết trong nghiệp vụ L/C – gộp	8.180	51.949
Bảo lãnh khác – gộp	163.357	112.633
Cộng	171.537	164.582

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ đối mặt với khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro thanh khoản là Ban Tổng Giám đốc thiết lập giới hạn về mức tối thiểu các khoản vốn đến hạn có thể dùng để đáp ứng những yêu cầu rút vốn này và mức tối thiểu các khoản vay liên ngân hàng và các khoản vay để đáp ứng những nhu cầu rút vốn ngoài dự kiến.

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Tập đoàn đang thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho Tập đoàn thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ hoặc đột xuất của khách hàng;
- Luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng hiểu rõ mọi hoạt động của Tập đoàn, hạn chế những tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Tập đoàn.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán 30 tháng 6 năm 2019 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn				Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng				
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	697.867	-	-	-	-	-	697.867
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	2.128.951	-	-	-	-	-	2.128.951
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	4.772.800	4.037.300	-	-	-	-	8.810.100
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	7.682	-	-	-	-	-	7.682
Cho vay khách hàng (*)	356.445	148.899	4.901.487	2.422.069	10.302.962	5.102.211	7.803.339	-	31.037.412
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	388.102	1.079.487	-	-	1.467.589
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	14.521	-	14.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	600.885	45	6.275	46.791	977.374	-	1.631.370
Các tài sản có khác (*)	-	-	1.547.056	40.854	494.032	167.981	-	-	2.249.923
Tổng tài sản	356.445	148.899	14.656.728	6.500.268	11.191.371	6.396.470	8.795.234	48.045.415	
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	5.729.722	5.722.106	26.874	82.063	8.616	-	11.569.381
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.375.344	6.769.928	14.427.114	1.185.427	1.012	-	30.758.825
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	600.000	-	-	-	600.000
Các khoản nợ khác	-	-	898.233	-	-	-	-	-	898.233
Tổng nợ phải trả	-	-	15.003.299	12.492.034	15.053.988	1.267.490	9.628	43.826.439	
Chênh lệch thanh khoản ròng	356.445	148.899	(346.571)	(5.991.766)	(3.862.617)	5.128.980	8.785.606	4.218.976	

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Tập đoàn theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày kết thúc năm tài chính 2018 đến ngày đáo hạn:

	Quá hạn		Trong hạn				Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng				
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	519.751	-	-	-	-	-	519.751
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	1.852.903	-	-	-	-	-	1.852.903
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	3.650.752	1.748.575	-	-	-	-	5.399.327
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	987	-	-	-	-	-	987
Cho vay khách hàng (*)	277.718	289.714	4.083.044	2.219.890	9.784.151	4.889.471	7.928.006	-	29.471.994
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	86.141	1.467.822	-	-	1.553.963
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	14.521	-	14.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	637.932	107	6.178	50.526	889.300	-	1.584.043
Các tài sản có khác (*)	-	-	1.409.652	46.178	474.740	233.648	100.906	-	2.265.124
Tổng tài sản	277.718	289.714	12.155.021	4.014.750	10.351.210	6.641.467	8.932.733	-	42.662.613
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-	-	255.545	-	-	-	-	-	255.545
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	3.842.740	4.012.921	25.305	102.925	8.611	-	7.992.502
Tiền gửi của khách hàng	-	-	9.217.211	5.606.533	13.473.477	908.114	822	-	29.206.157
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	300.000	-	-	-	300.000
Các khoản nợ khác	-	-	364.439	160.827	273.102	3.742	3.342	-	805.452
Tổng nợ phải trả	-	-	13.679.935	9.780.281	14.071.884	1.014.781	12.775	-	38.559.656
Chênh lệch thanh khoản ròng	277.718	289.714	(1.524.914)	(5.765.531)	(3.720.674)	5.626.686	8.919.958	-	4.102.957

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. **Rủi ro thị trường**

Tập đoàn chịu các rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị của dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động giá trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất và tiền tệ chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi mức độ biến động của giá thị trường như: lãi suất, tín dụng, tỷ giá hối đoái.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Tập đoàn đo lường bằng cách phân tích độ nhạy cảm của lãi suất, tức là phân loại trái phiếu và các chứng từ khác về mức độ rủi ro thị trường phân ra theo loại tiền, ngày đến hạn...

Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Tập đoàn đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở hệ thống báo cáo ALCO nhằm phân tích mức chênh lệch tài sản nợ - tài sản có nhạy cảm với lãi suất trong từng khung kỳ hạn, tính toán Duration Gap của tài sản nợ - tài sản có, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, cụ thể:

- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này có thể cho phép Tập đoàn có thể linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	697.867	-	-	-	-	-	-	697.867
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	1.507.973	620.978	-	-	-	-	-	2.128.951
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	4.772.800	4.037.300	-	-	-	-	8.810.100
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	7.682	-	-	-	-	-	7.682
Cho vay khách hàng (*)	505.344	-	4.901.487	2.422.069	3.869.232	6.433.730	5.102.211	7.803.339	31.037.412
Chứng khoán đầu tư (*)	-	141.655	-	-	-	305.589	1.020.345	-	1.467.589
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	14.521	-	-	-	-	-	-	14.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.631.370	-	-	-	-	-	-	1.631.370
Các tài sản có khác (*)	-	2.249.923	-	-	-	-	-	-	2.249.923
Tổng tài sản	505.344	6.243.309	10.302.947	6.459.369	3.869.232	6.739.319	6.122.556	7.803.339	48.045.415
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	5.729.722	5.722.106	6.012	20.863	82.063	8.615	11.569.381
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.375.344	6.769.928	7.889.926	6.537.188	1.185.427	1.012	30.758.825
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	600.000	-	-	600.000
Các khoản nợ khác	-	898.233	-	-	-	-	-	-	898.233
Tổng nợ phải trả	-	898.233	14.105.066	12.492.034	7.895.938	7.158.051	1.267.490	9.627	43.826.439
Mức chênh lệch cảm với lãi suất – nội bảng	505.344	5.345.076	(3.802.119)	(6.032.665)	(4.026.706)	(418.732)	4.855.066	7.793.712	4.218.976

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	519.751	-	-	-	-	-	-	519.751
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	1.264.999	587.904	-	-	-	-	-	1.852.903
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	3.650.752	1.748.575	-	-	-	-	5.399.327
Các công cụ tài chính phát sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	987	-	-	-	-	-	987
Cho vay khách hàng (*)	567.432	-	4.083.044	2.219.890	3.249.970	6.534.181	4.889.471	7.928.006	29.471.994
Chứng khoán đầu tư (*)	-	152.499	-	-	33.021	-	1.368.443	-	1.553.963
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	14.521	-	-	-	-	-	-	14.521
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	1.584.043	-	-	-	-	-	-	1.584.043
Các tài sản có khác (*)	-	2.265.124	-	-	-	-	-	-	2.265.124
Tổng tài sản	567.432	5.800.937	8.322.687	3.968.465	3.282.991	6.534.181	6.257.914	7.928.006	42.662.613
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-	-	255.545	-	-	-	-	-	255.545
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	3.842.740	4.012.921	19.475	5.830	102.925	8.611	7.992.502
Tiền gửi của khách hàng	-	-	9.217.211	5.606.533	6.652.508	6.820.969	908.114	822	29.206.157
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	300.000	-	-	300.000
Các khoản nợ khác	-	805.452	-	-	-	-	-	-	805.452
Tổng nợ phải trả	-	805.452	13.315.496	9.619.454	6.671.983	7.126.799	1.011.039	9.433	38.559.656
Mức chênh lệch cam với lãi suất – nội bảng	567.432	4.995.485	4.992.809	5.650.989	3.388.992	592.618	5.246.875	7.918.573	4.102.957

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Tập đoàn cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và các ngoại tệ khác.

Chiến lược của Tập đoàn trong quản lý rủi ro tiền tệ là đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Tập đoàn sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra Tập đoàn còn sử dụng các công cụ khác như: tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND.

Để giảm thiểu rủi ro về tiền tệ, Tập đoàn đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Thiết lập và quản lý hạn mức trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận, quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	68.743	4.632	2.583	75.958
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	15.930	-	-	15.930
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	4.145.080	4.396	6.767	4.156.243
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(2.381.700)	-	-	(2.381.700)
Cho vay khách hàng (*)	66.953	-	-	66.953
Tổng tài sản	1.915.006	9.028	9.350	1.933.384
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	1.927.447	-	-	1.927.447
Tiền gửi của khách hàng	206.300	682	20	207.002
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	2.133.747	682	20	2.134.449
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(218.741)	8.346	9.330	(201.065)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(218.741)	8.346	9.330	(201.065)

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro hối đoái của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018. Bảng trình bày các tài sản và nợ của Tập đoàn theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ.

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Tiền tệ khác quy đổi	Cộng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	75.807	3.478	1.997	81.282
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	13.523	-	-	13.523
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	1.743.415	2.460	7.377	1.753.252
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	(92.900)	-	-	(92.900)
Cho vay khách hàng (*)	46.188	-	-	46.188
Các tài sản có khác (*)	6.138	-	-	6.138
Tổng tài sản	1.792.171	5.938	9.374	1.807.483
Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi và vay các TCTD khác	1.375.930	-	-	1.375.930
Tiền gửi của khách hàng	184.201	662	17	184.880
Các khoản nợ khác	3.692	-	-	3.692
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	1.563.823	662	17	1.564.502
Trạng thái tiền tệ nội bảng	228.348	5.276	9.357	242.981
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	228.348	5.276	9.357	242.981

(*) Các khoản mục này không tính đến dự phòng rủi ro.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đang thế chấp các giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các TCTD khác với giá trị 850.000 triệu VND (số đầu năm là 1.199.816 triệu VND) (xem thuyết minh số V.7).

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Chi tiết tài sản nhận thế chấp được trình bày tại thuyết minh số VIII.3. Tập đoàn chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	697.867	697.867	519.751	519.751
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	2.128.951	2.128.951	1.852.903	1.852.903
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	8.810.100		5.399.327	
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7.682		987	
Cho vay khách hàng	30.761.015		29.216.772	
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác	1.373.113		1.460.500	
Góp vốn, đầu tư dài hạn	14.521		14.521	
Các khoản lãi, phí phải thu	1.547.055		1.561.344	
Các tài sản có khác	143.977		201.462	
Cộng	45.484.281		40.227.567	

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	-		255.545	
Tiền gửi và vay các TCTD khác	11.569.381		7.992.502	
Tiền gửi của khách hàng	30.758.825		29.206.157	
Phát hành giấy tờ có giá	600.000		300.000	
Các khoản lãi, phí phải trả	632.781		548.930	
Các khoản nợ khác	211.569		228.636	
Cộng	43.772.556		38.531.770	

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán của các TCTD Việt Nam và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

X. BÁO CÁO BỘ PHẬN

1. Báo cáo bộ phận chính yếu

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước	6 tháng đầu năm nay	6 tháng đầu năm trước
I. Thu nhập	147.049	139.673	285.283	229.952	2.079.550	1.422.476	(597.492)	(154.998)	1.914.390	1.637.103
1. Thu nhập lãi	145.060	138.746	280.068	226.169	1.992.597	1.287.315	(597.492)	(154.998)	1.820.233	1.497.232
<i>Thu nhập lãi khách hàng bên ngoài</i>	81.039	71.634	260.621	199.278	1.478.573	1.226.320	-	-	1.820.233	1.497.232
<i>Thu nhập lãi nội bộ</i>	64.021	67.112	19.447	26.891	514.024	60.995	(597.492)	(154.998)	-	-
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.065	759	3.337	1.562	33.961	28.734	-	-	38.363	31.055
3. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	924	168	1.878	2.221	52.992	106.427	-	-	55.794	108.816
II. Chi phí	133.223	129.656	232.749	187.559	1.972.948	1.307.794	(597.492)	(154.998)	1.741.428	1.470.011
1. Chi phí lãi	107.893	105.368	166.094	140.838	1.558.418	944.675	(597.492)	(154.998)	1.234.913	1.035.883
<i>Chi phí lãi từ khách hàng bên ngoài</i>	101.754	99.827	153.028	129.071	980.131	806.985	-	-	1.234.913	1.035.883
<i>Chi phí lãi từ nội bộ</i>	6.139	5.541	13.066	11.767	578.287	137.690	(597.492)	(154.998)	-	-
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	485	521	3.619	3.190	29.787	29.054	-	-	33.891	32.765
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	24.845	23.767	63.036	43.531	384.743	334.065	-	-	472.624	401.363
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	13.826	10.017	52.534	42.393	106.602	114.682	-	-	172.962	167.092
Chi phí dự phòng rủi ro	(504)	(260)	4.145	484	20.838	19.336	-	-	24.479	19.560
Kết quả kinh doanh bộ phận	14.330	10.277	48.389	41.909	85.764	95.346	-	-	148.483	147.532

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Điều chỉnh		Cộng	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Tài sản	1.470.926	1.481.188	5.324.328	4.657.885	40.875.163	36.170.730	-	-	47.670.417	42.309.803
1. Tiền mặt	53.357	50.304	119.484	72.758	525.026	396.689	-	-	697.867	519.751
2. Tài sản cố định	4.882	5.366	266.537	269.748	1.359.951	1.308.929	-	-	1.631.370	1.584.043
3. Tài sản khác	1.412.687	1.425.518	4.938.307	4.315.379	38.990.186	34.465.112	-	-	45.341.180	40.206.009
II. Nợ phải trả	2.990.432	2.941.037	4.724.134	4.216.600	36.111.873	31.402.019	-	-	43.826.439	38.559.656
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	2.989.425	2.940.074	4.721.796	4.214.180	35.849.766	31.148.880	-	-	43.560.987	38.303.134
2. Nợ phải trả khác	1.007	963	2.338	2.420	262.107	253.139	-	-	265.452	256.522

NGÂN HÀNG TMCP KIÊN LONG

Địa chỉ: 40 – 42 – 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận thứ yếu

Tập đoàn có 2 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: ngân hàng và quản lý nợ và khai thác tài sản.

Kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
6 tháng đầu năm nay				
Thu nhập	1.894.160	35.034	(14.804)	1.914.390
Chi phí	1.719.973	26.847	(14.804)	1.732.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	32.692	1.199	-	33.891
Lợi nhuận trước thuế	141.495	6.988	-	148.483
6 tháng đầu năm trước				
Thu nhập	1.615.850	30.337	(9.084)	1.637.103
Chi phí	1.442.028	23.862	(9.084)	1.456.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	30.496	2.269	-	32.765
Lợi nhuận trước thuế	143.326	4.206	-	147.532

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Lĩnh vực ngân hàng	Lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản	Loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản bộ phận	47.866.190	588.157	(783.930)	47.670.417
Nợ phải trả bộ phận	44.090.789	19.580	(283.930)	43.826.439
Số đầu năm				
Tài sản bộ phận	42.535.123	595.594	(820.914)	42.309.803
Nợ phải trả bộ phận	38.847.963	32.607	(320.914)	38.559.656

XI. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	98.999	97.190
Trong vòng 2 đến 5 năm	224.289	220.780
Trên 5 năm	141.486	158.390
Cộng	464.774	476.360

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

